

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28-11-2019
V/v Tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Văn Vui**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Hồng**

2. Ông **Đỗ Tứ Hải**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 427/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2019 về “Tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 228/2019/QĐXX-ST ngày 13 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Hồng T**, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: ấp G, xã L, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Anh **Huỳnh Minh H**, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: ấp G, xã L, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 10 năm 2019 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Hồng T trình bày:***

Hôn nhân giữa chị và anh Huỳnh Minh H do tự tìm hiểu quen biết tiến tới hôn nhân, được gia đình hai bên đồng ý có tổ chức lễ cưới ngày 26 tháng 9 năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh

Long ngày 20 tháng 7 năm 1999. Sau ngày cưới vợ chồng sống chung gia đình chồng tại ấp G, xã L, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Đến tháng 9 năm 2007 được cha mẹ chồng cho đất cất nhà vợ chồng ra riêng tự lập. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 02 năm 2016 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường hay cãi vã mất hạnh phúc. Chị và anh H không còn sống chung từ tháng 10 năm 2016 chị về nhà cha mẹ ruột sinh sống sau đó chị đi hợp tác lao động tại Đài Loan đến ngày 02 tháng 10 năm 2019 hết hợp đồng chị trở về nhà cha mẹ ruột sinh sống.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Minh H.

- *Về con chung*: Có 02 con chung tên Huỳnh Diễm N, sinh ngày 11 tháng 11 năm 1999 đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết và Huỳnh Huy L, sinh ngày 11 tháng 3 năm 2008 hiện đang sống với anh H. Sau khi ly hôn tùy theo nguyện vọng của cháu L muốn theo ai thì người đó nuôi dưỡng, người không trực tiếp nuôi dưỡng không phải cấp dưỡng nuôi con. Nếu anh H đồng ý giao cháu L cho chị nuôi dưỡng thì chị cũng đồng ý nuôi cháu L và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Nếu anh H nuôi cháu L thì chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không còn yêu cầu nào khác.

*** Theo bảng khai ý kiến ngày 01 tháng 11 năm 2019 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Huỳnh Minh H trình bày:**

- *Về mối quan hệ hôn nhân*: Anh thống nhất theo lời trình bày của chị T về mối quan hệ hôn nhân hình thành, thời gian chung sống, hôn nhân có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo chị T trình bày là không đúng vợ chồng anh không có mâu thuẫn, chị T có đi hợp tác lao động tại Đài Loan vào tháng 10 năm 2016. Từ khi chị T đi hợp tác lao động anh chị vẫn vui vẻ bình thường đến tháng 10 năm 2019 do hết hợp đồng lao động chị T trở về. Từ ngày trở về chị T thường xuyên đi chơi, không lo cho con và nộp đơn xin ly hôn với anh. Anh và chị T không còn sống chung từ tháng 10 năm 2019 đến nay.

Nay đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Hồng T thì anh không đồng ý ly hôn do anh thương con muốn vợ chồng đoàn tụ để lo cho con.

- *Về con chung*: Có 02 con chung tên Huỳnh Diễm N, sinh ngày 11 tháng 11 năm 1999 đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết và Huỳnh Huy L, sinh ngày 11 tháng 3 năm 2008 hiện đang sống với anh. Nếu trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn anh đồng ý giao cháu L cho chị T nuôi dưỡng anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh không đồng ý nuôi dưỡng cháu L do anh không có khả năng

nuôi cháu L còn cháu L có muốn sống với anh hay không thì tùy cháu L. Anh cũng không đồng ý việc chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu L mỗi tháng 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Theo bảng khai ý kiến ngày 01 tháng 11 năm 2019 cháu Huỳnh Huy L, sinh ngày 11 tháng 3 năm 2008 trình bày:** Khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống với cha.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: Giấy chứng nhận kết hôn bản chính; phiếu dịch vụ chuyển phát nhanh; giấy khai sinh bản sao; đơn xin xác nhận nơi cư trú; tờ tường trình bản gốc.

Bị đơn đã nộp: Bảng khai ý kiến bản gốc; bảng khai ý kiến của cháu Huỳnh Huy L bản gốc.

Ngoài ra đương sự không còn yêu cầu nào khác giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Mọi quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Hồng T và anh Huỳnh Minh H là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Hôn nhân của anh chị do tự tìm hiểu quen biết có tổ chức lễ cưới năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân An Luông, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 20 tháng 7 năm 1999. Theo lời trình bày của chị T thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01 năm 2019 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường hay cãi vã mất hạnh phúc. Chị và anh H không còn sống chung từ tháng 10 năm 2016 đến nay. Theo anh H trình bày thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2019 do hết hợp đồng lao động tại Đài Loan chị T trở về, từ ngày trở về chị T thường xuyên đi chơi, không lo cho con và nộp đơn xin ly hôn với anh, hiện nay anh chị không còn sống chung. Nay đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T thì anh không đồng ý nhưng anh không tìm ra được phương pháp để khắc phục hàn gắn. Hôn nhân là sự tự nguyện của hai người nhưng chị T kiên quyết ly hôn với anh H chị cho rằng giữa chị và anh H không còn tình cảm vợ chồng, không thể sống chung có hạnh phúc được.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị T yêu cầu ly hôn với anh H là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Anh H yêu cầu được đoàn tụ vì anh thương con muốn vợ chồng đoàn tụ lo cho con, yêu cầu của anh H là không được chấp nhận.

[2] Con chung: Chị Nguyễn Hồng T và anh Huỳnh Minh H có 02 người con chung tên Huỳnh Diễm N, sinh ngày 11 tháng 11 năm 1999 đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết và Huỳnh Huy L, sinh ngày 11 tháng 3 năm 2008 hiện đang sống với anh H. Cháu L có nguyện vọng sống với anh H nên giao cháu L cho anh H nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu. Chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu L mỗi tháng 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi là phù hợp Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Tài sản chung: Chị Nguyễn Hồng T và anh Huỳnh Minh H thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[4] Các khoản nợ phải thu, phải trả: Chị Nguyễn Hồng T và anh Huỳnh Minh H thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Hồng T nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

[6] Án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Hồng T nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 28, 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Hồng T.

[1] Về mối quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Hồng T được ly hôn với anh Huỳnh Minh H.

[2] Con chung: Giao cháu Huỳnh Huy L, sinh ngày 11 tháng 3 năm 2008 cho anh Huỳnh Minh H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Hồng T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu L mỗi tháng 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cháu Huỳnh Diễm N, sinh ngày 11 tháng 11 năm 1999 đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tài sản chung: Chị Nguyễn Hồng T và anh Huỳnh Minh H thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[4] Nợ chung phải thu, phải trả: Chị Nguyễn Hồng T và anh Huỳnh Minh H thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Hồng T nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

[6] Án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Hồng T nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Tổng cộng chị Nguyễn Hồng T phải nộp 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰ 0007680 ngày 25 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị T phải nộp thêm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ sau ngày tuyên án. Đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Huỳnh Văn Vui